TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 31/2019/QĐST-HNGĐ	*Phong Thổ, ngày 15 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 63/2019/TLST - HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ- Sinh năm: 1955.

Nơi ĐKHKTT: thôn H, xã Đ TP. T, tỉnh T.

Nơi công tác: thôn H, xã Đ, TP. T, tỉnh T.

Bị đơn: Bà Bùi Thị N; sinh năm 1956.

Nơi ĐKHKTT: Bản K, xã K, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Nơi công tác: Bản K, xã K, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ và bị đơn bà Bùi Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ và bị đơn bà Bùi Thị N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai đương sự thỏa thuận thống nhất có 02 con chung tên là Nguyễn Thị N sinh ngày 25 tháng 01 năm 1983 và cháu nhỏ tên là Nguyễn Văn B sinh ngày 28 tháng 01 năm 1988 hiện nay các cháu đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần đã lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.4. Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án thuận tình ly hôn. Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận, thống nhất: Toàn bộ án phí của vụ án sẽ do nguyên đơn chịu thay cho cả phần án phí của bị đơn. Vậy nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án thuận tình ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Nguyên đơn đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2010/0002196, ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vậy khấu trừ án phí Nguyên đơn được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ;
- UBND xã B- MT-LC
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà